

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 21-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện;

Thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Dũng;

Bà Vũ Thị Ngọc Tươi;

Ông Nguyễn Hữu Dân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường số 4 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, Thông báo về việc dời lịch xét xử số 01/2022/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Thị Kiều Tr**, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: khu phố A, phường An B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: đường Trần Q, khu phố C, phường Bình Đ, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Dịch vụ du lịch; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hoàng Văn Th, sinh năm 1958 và con bà: Vũ Thị Y, sinh năm 1969;

Chồng: Trần Quang H, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và con: Trần Gia Hu, sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, ra đầu thú và bị tạm giữ, sau chuyển tạm giam Lệnh tạm giam **số 1939/LTG-PC02 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

2. Họ và tên: **Hoàng Thị Tr1**, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1993, tại tỉnh Thanh H2.

Nơi đăng ký thường trú: Số 1/35/23, khu phố 5, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: đường Hoàng Hoa, phường Th1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hoàng Thái D, sinh năm 1964 và con bà: Bùi Thị Ngu, sinh năm 1969;

Chồng: Hoàng L, sinh năm 1986 và con: Hoàng Ánh Ng, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 27 tháng 9 năm 2020, bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, sau chuyển tạm giam Lệnh tạm giam **số 1940/LTG-PC02 ngày 01/10/2020 của** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

3. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc N**, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1991, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: khu Cầu X, thị trấn L1, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã An Ph, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và con bà: Định Thị Ngọc D1, sinh năm 1971;

Chồng: Nguyễn Lê L1, sinh năm 1990; chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/7/2015 Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm. Ngày 06/7/2018, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, sau chuyển tạm giam Lệnh tạm giam **số 1941/LTG-PC02 ngày 01/10/2020 của** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

** Người bào chữa theo chỉ định của bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr:* Ông Dương Văn Ôn là Luật sư của Văn phòng luật sư Dương Văn Ôn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 9/1, khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Người bào chữa theo chỉ định của các bị cáo Hoàng Thị Tr, Nguyễn Ngọc N: Ông Phan Thiên Vượng là Luật sư của Văn phòng luật sư Phan Thiên Vượng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 72, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Tố Ng1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: cư xá U , phường E, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Công T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: đường T5, phường Tân Phú, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Vũ Quang H1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: đường Nguyễn Du, phường B1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng L2, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố 555555, phường Tân Ph, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. Anh Nguyễn Công T2, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu phố 8aaaa, phường Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

3. Chị Đặng Hồ Như Th2, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu phố 555555, phường Trảng D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

4. Chị Huỳnh Thị Kim Tu, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thanh H2, Hồ Nai 3AA, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai

5. Chị Dương Ngọc Hu, sinh năm 1993

Địa chỉ: xã L231, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

6. Ông Nguyễn Trọng Xu, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu C231, thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai

7. Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1965

Địa chỉ: xã Long Đ321, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

8. Chị Nguyễn Thị Bích Ng2, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp CC, xã Phước Th123, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

9. Anh Phan Hồng Dũ, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu C231, thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai

10. Ông Nguyễn Trung H111, sinh năm 1985

Địa chỉ: xã Ph2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Các bị cáo Kiều Tr, Tr, N, Luật sư Ôn, Luật sư Vượng, anh Hoàng L2 có mặt; bị hại có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị Kiều Tr sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Khu phố 12, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, làm nghề dịch vụ du lịch và tư vấn xin cấp Visa. Vào năm 2020, thông qua mạng xã hội Zalo, Kiều Tr quen biết với Nguyễn Ngọc N sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu C231, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và Hoàng Thị Tr sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Khu phố 555555, phường Tân Ph, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình quen biết, N và Hoàng Thị Tr đã có lần nhờ Kiều Tr làm giả một số giấy tờ cá nhân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó Kiều Tr thuê một đối tượng (chưa xác định nhân thân, lại lịch) làm giả các giấy tờ này cho N và Hoàng Thị Tr.

Vào khoảng tháng 9 năm 2020, Kiều Tr bàn bạc với N về việc làm giả giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, con dấu văn phòng công chứng, dấu mộc tên, mục đích là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, bằng hình thức vay tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, có làm hợp đồng mua bán công chứng giả để làm tin cho người bị hại. Sau đó, Kiều Tr lên mạng internet vào Tr web “Mua bán nhà đất Biên Hòa” tìm kiếm thông tin để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất được Kiều Tr và N chọn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 205, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: Lô 10, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, diện tích 96,8 m, chủ sở hữu là Nguyễn Thị Ngoan. Sau đó, Kiều Tr lên mạng xã hội Zalo liên hệ với đối tượng tên Khang (chưa rõ nhân thân, lại lịch) để thuê làm giả: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngoan, 01 con dấu tròn được khắc nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN

BIÊN SỐ 1”, dấu mộc tên công chứng viên “Đào Thanh Tú. Sau đó, Kiều Tr giữ lại con dấu và dấu mộc giả, còn các giấy tờ giả thì giao lại cho N giữ.

Do trước đó N có quen biết với ông Phạm Công T sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: Số 36, đường T5, phường Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên biết được ông Thành có cho người khác vay tiền thế chấp bằng đất đai và làm hợp đồng mua bán công chứng để làm tin, từ đó N đã bàn bạc với Kiều Tr và Hoàng Thị Tr thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Thành với vai trò như sau: Hoàng Thị Tr được phân công đóng giả chủ đất tên Nguyễn Thị Ngoan để thương lượng với nhóm người của ông Thành; N đóng giả là người môi giới đất tên Nguyễn Hồng Ngọc, Kiều Tr đóng giả là Công chứng viên để ký hợp đồng mua bán. Vào ngày 14/9/2020, Hoàng Thị Tr đã gọi điện cho ông Thành hỏi vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), có thể chấp tài sản bằng đất (đã được làm giả giấy tờ trước đó), thì ông Thành đồng ý và hẹn chiều ngày 21/9/2020 sẽ đi xem đất. Sau đó, ông Thành bàn bạc thống nhất với bà Nguyễn Thị Tổ N sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: Số 7/10A, đường Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Vũ Quang H1 sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Số 128, đường Nguyễn Du, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cùng nhau góp tiền để cầm cố thửa đất nói trên.

Để thực hiện hành vi phạm tội, vào ngày 16/9/2020, Kiều Tr nói với Hoàng Thị Tr đứng ra thuê căn nhà của bà Lê Thị Yến sinh năm 1970 thế, thường trú: Số 108/1, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để mở văn phòng công chứng giả lấy tên là Văn phòng Công chứng Trán Biên số 1. Kiều Tr mua các thiết bị văn phòng gồm: Máy vi tính, bàn Ghê tủ hồ sơ và văn phòng phẩm, rồi đặt bảng hiệu Văn phòng Công chứng Trán Biên số 1. Sau đó, Kiều Tr lên mạng xã hội Zalo nhắn tin nhờ một người tên Thuận, trên Zalo lưu tên là “K Pé Tr Ủ” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để thuê làm nhân viên văn phòng công chứng. Thuận tiếp tục nhờ thêm 03 người phụ nữ khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để đóng giả là nhân viên văn phòng công chứng. Ngoài ra, Kiều Tr còn thuê thêm 01 máy photocopy và 01 nhân viên nam để sử dụng máy photocopy. Khi thuê người đóng giả làm nhân viên văn phòng công chứng, Kiều Tr không nói cho họ biết việc Kiều Tr cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội. Kiều Tr và N còn đưa Hoàng Thị Tr đi mua quần áo mới, dây chuyền, vòng vàng giả đeo trên người, để ông Thành tin tưởng cho rằng Tr là người có tài sản. Mục đích mà Kiều Tr và đồng bọn làm giả các loại giấy tờ trên là để ông Thành không phát hiện ra được nhân thân, lai lịch của mình, nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay mượn.

Vào sáng ngày 21/9/2020, Hoàng Thị Tr đến Ngân hàng OCB - Chi nhánh Biên Hòa, sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Thị Ngoan (có dán hình của Hoàng Thị Tr) để mở 01 tài khoản tại Ngân hàng OCB - Chi nhánh Biên Hòa, sử dụng cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Thành cùng với bà Tổ N, ông Huy đến vị trí thửa đất thực hiện việc giao dịch với nhóm của Kiều Tr. Lúc này, Hoàng Thị Tr được phân công đóng giả chủ đất tên Nguyễn Thị Ngoan để thương

lượng với nhóm người của ông Thành, N đóng giả là người môi giới đất tên Nguyễn Hồng Ngọc; Kiều Tr đóng giả là Công chứng viên để ký hợp đồng mua bán. Do N có quen biết từ trước với ông Thành, nên phải đeo khẩu Tr để che mặt lại.

Sau khi trực tiếp kiểm tra thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Ngoan thì ông Thành, bà Tổ N và Huy tin tưởng Hoàng Thị Tr là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất nói trên nên đồng ý cho Hoàng Thị Tr vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), lãi suất 5%/tháng, thế chấp bằng thửa đất nói trên, nhưng ông Thành yêu cầu Hoàng Thị Tr phải ký hợp đồng mua bán có công chứng với bà Tổ N và ông Huy. Sau đó, Hoàng Thị Tr và N đã chụp hình chứng minh nhân dân của bà Tổ N và ông Huy gửi cho Kiều Tr để soạn thảo trước hợp đồng mua bán giả. Hoàng Thị Tr và N đã đưa ông Thành, bà Tổ N, ông Huy đến Văn phòng công chứng giả đã được dựng lên trước đó. Tại đây, Kiều Tr đã soạn thảo sẵn 04 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó bên bán là Nguyễn Thị Ngoan (do Hoàng Thị Tr đóng giả), còn bên mua là bà Tổ N và ông Huy.

Sau khi hai bên ký tên và lấn tay vào hợp đồng mua bán thì Kiều Tr ký giả tên công chứng viên là Đào Thanh Tú, rồi đóng mộc giả của Văn phòng công chứng Trần Biên số 1 để xác thực việc mua bán này. Ông Thành, bà Tổ N và ông Huy đưa cho Hoàng Thị Tr số tiền mặt 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và chuyển khoản số tiền còn lại là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào tài khoản của Nguyễn Thị Ngoan (do Hoàng Thị Tr đã mở trước đó tại Ngân hàng OCB chi nhánh Biên Hòa). Hoàng Thị Tr viết giấy biên nhận tiền giả tên Nguyễn Thị Ngoan, có sự chứng kiến của Nguyễn Hồng Ngọc (do Nguyễn Ngọc N đóng giả) đưa cho ông Thành giữ. Sau đó, ông Thành mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 02 bản hợp đồng mua bán cùng với bà Tổ N và ông Huy ra về.

Số tiền chiếm đoạt được, các bị cáo chia nhau như sau: Hoàng Thị Kiều Tr 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), Hoàng Thị Tr 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), Nguyễn Ngọc N 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Sau khi phát hiện ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, ông Thành, bà Tổ N và ông Huy đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của các bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Ngày 25/9/2020, Hoàng Thị Kiều Tr đã ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Ngày 27 và 28/9/2020, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ.

Tại Kết luận giám định số 2414/KLGD-PC09 ngày 28/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định:

1. Chữ ký mang tên Võ Văn Vinh trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên Võ Văn Vinh trên các tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với hình dấu

tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 2415/KLGD-PC09 ngày 13/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định:

1. Điểm chỉ vân tay đánh số 1, 3, 9 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

2. Điểm chỉ vân tay đánh số 2, 4, 5, 6, 7 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) bị mờ nhòe, không đủ cơ sở để tiến hành giám định.

3. Điểm chỉ vân tay đánh số 8, 10 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với điểm chỉ vân tay ngón cái trái và ngón cái phải trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

4. Điểm chỉ vân tay đánh số 11, 12 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

5. Chữ viết trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) do cùng một người viết ra.

6. Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngoan trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngoan trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M5) do cùng một người ký và viết ra.

7. Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Hồng Ngọc trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Hồng Ngọc trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M6) do cùng một người ký và viết ra.

8. Chữ ký mang tên Đào Thanh Tú trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ ký mang tên Đào Thanh Tú trên tài liệu nêu phần mẫu so sánh (ký hiệu M7) do cùng một người ký ra.

*Biện pháp tư pháp:

- Vào ngày 25/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Thị Kiều Tr thu giữ:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 110, màu hồng đen, số Imei 1: 35777103494708, số Imei 2: 35777104494707, trong điện thoại có sim SO 0779545567. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31, số Imei 1: 354565114476058, số Imei 2: 354565114476056; sim số 0914578657.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mang tên LE THUONG THUONG mã số thẻ 4221510891146097, số tài khoản 060184000523. 01 thẻ ATM Ngân

hàng ACB mang tên Hoàng Thị Kiều Tr, mã số thẻ 4200030000838018. Đây là những đồ vật tài liệu không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra để xử lý sau.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng TP. Bank mang tên Hoàng Thị Kiều Tr, mã số thẻ là 4665848300962271. Qua xác minh, xác định số tiền 48.217.986 đồng trong tài khoản là tiền do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ và trao trả cho bị hại.

+ Số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Đây là số tiền do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ và trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 27/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai thực hiện lệnh giữ người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Thị Tr, thu giữ trên người Tr gồm:

+ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh Vân, sinh ngày 23 tháng 03 năm 1996, nơi đăng ký thường trú: Tâm Hạnh, Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu, cấp ngày 18/4/2015. Đây là đồ vật tài liệu không liên quan đến vụ án, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra để xử lý sau.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 10 Pro Max màu đen 256GB, số Imei 35392410708179, trong điện thoại có sim số 0564602609. Đây là tài sản do Tr sử dụng tiền phạm tội mà có để mua, Tr khai nhận mua điện thoại trên với giá 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

+ Số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Đây là số tiền do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ và trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 28/9/2020, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Đồng Nai khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Ngọc N, thu giữ gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong điện thoại có sim số 0937955971, số Imei: 353101115561424. 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64GB, màu Gold, số Imei: 357269092990191, sim số 0933225107.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Ngọc N, số thẻ 9704366803651069018. Đây là tài khoản mà bị cáo N sử dụng để chuyển tiền cho bị cáo Kiều Tr trong quá trình chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc N số 272181154 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/11/2007; 01 thẻ tín dụng FE CREDIT mang tên Nguyễn Ngọc N, số thẻ 5391460013001229; 01 Phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, nội dung Nguyễn Ngọc N tạm ứng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 28/9/2020. Đây là những đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra để xử lý sau.

+ Số tiền 1.129.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi chín triệu đồng). Đây là số tiền do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ và trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 28/9/2020, 02/10/2020 và 03/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã tạm giữ của bà Bùi Thị Nguyệt sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Thôn Hà Bắc, xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh H2, chỗ : Số 935, đường Bình Giã, phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (là mẹ ruột của bị cáo Hoàng Thị Tr) một số tài sản sau:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, màu đen, số Imei 1: 863886032407072, số Imei 2: 863886032407064. Đây là công cụ Kiêu Tr sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi gây án Tr đã mang điện thoại về nhà đưa cho bà Nguyệt cất giữ.

+ Số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Đây là tiền do Hoàng Thị Tr phạm tội mà có, gửi cho bà Nguyệt cất giữ, bà Nguyệt không biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 28/9/2020, anh Hoàng L2 sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: khu phố 555555, phường Tân Ph, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (là chồng của bị cáo Hoàng Thị Tr) đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đây là tiền mà bị cáo Tr phạm tội mà có đưa cho anh Linh, anh Linh không biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Ngày 03/10/2020, chị Đặng Hồ Như Th2 sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: khu phố 555555, phường Trảng D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đây là tiền mà bị cáo Hoàng Thị Tr phạm tội mà có bồi dưỡng cho chị Thủy khi rút tiền trong tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngoan tại Ngân hàng OCB chi nhánh Biên Hòa, chị Thủy không biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Vào các ngày 01/10/2020 và 20/10/2020, anh Nguyễn Công T sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Số 5/19, khu phố 8aaaa, phường Long Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Đây là tiền bị cáo Hoàng Thị Tr phạm tội mà có đưa cho anh Tài để trả nợ, anh Tài không biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Ngày 26/10/2020, chị Huỳnh Thị Kim Tu sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Thành, xã Bắc Sơn, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Đây là tiền mà bị cáo Hoàng Thị Tr phạm tội mà có trả nợ cho chị Tuyền, chị Tuyền không biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên đã

tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 25/10/2020, bà Vũ Thị Y sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Số 233, khu phố 12, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (là mẹ ruột của bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr) đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Đây là tiền mà bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr phạm tội mà có đưa cho bà Yến, bà Yến biết đây là tài sản do Tr phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp;

Ngoài ra, bà Yến còn tự nguyện giao nộp số tiền là 96.232.014 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Kiều Tr; bà Yến không yêu cầu bị cáo Kiều Tr phải trả lại số tiền trên cho mình. Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng cộng số tiền 100.232.014 đồng và trao trả cho bị hại.

- Ngày 18/11/2020, anh Nguyễn Lê Lâm sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Khu 14, xã Long Đ321, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sống chung với bị cáo N như vợ chồng) tự nguyện giao nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để khắc phục hậu quả cho bị cáo N và anh Lâm không yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền trên cho mình. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Vào các ngày 23/10/2020 và 01/12/2020, bà Đinh Thị Ngọc Dung sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu C231, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Ngọc N) tự nguyện giao nộp số tiền 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu đồng) để khắc phục hậu quả cho bị cáo N (trong đó có cả việc giao nộp thay cho chị Lê Thị Ngọc N số tiền 140.000.000 đồng, anh Phan Hồng Dũ số tiền 50.000.000 đồng, chị Dương Ngọc Hu số tiền 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Trọng Xu số tiền 200.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bích Ng2 số tiền 30.000.000 đồng). Đây là những người có liên quan mà bị cáo N dùng tiền phạm tội mà có trả nợ cho những người này). Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền trên và trao trả cho bị hại.

- Vào ngày 24/9/2020, bà Nguyễn Thị Tố N (bị hại) giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai các tài liệu sau:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CD 648008, đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: Lô D10, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chủ sở hữu trên giấy chứng nhận là Nguyễn Ngọc Ngoan. Lưu kèm hồ sơ vụ án.

+ 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký vào ngày 21/9/2020; số công chứng: 06/2020, Quyền số: 14/2020-TP/CC-SCC/HĐGD. Trong đó có đóng dấu tròn của Văn phòng Công chứng Trần Biên số 1 và chữ ký của Công chứng viên Đào Thanh Tú; có các dấu vân tay, chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngoan ở bên chuyển nhượng (Bên A) trên các Tr của Hợp đồng này. Lưu kèm hồ sơ vụ án.

+ 01 Giấy biên nhận được viết trên giấy A4, trong đó có: Các dấu vân tay, chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngoan ở Bên bán; các dấu vân tay, chữ

ký và chữ viết mang tên Nguyễn Hồng Ngọc ở Người làm chứng của Giấy biên nhận này. Lưu kèm hồ sơ vụ án.

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 272234842 mang tên Nguyễn Thị Ngoan, sinh năm 1986, cấp ngày 17/02/2020 (bản photocopy); 01 Sổ hộ khẩu số 02809901, chủ hộ là Nguyễn Văn Sáng và có nhân khẩu tên Nguyễn Thị Ngoan (bản photocopy). Lưu kèm hồ sơ vụ án.

Đối với 02 sim điện thoại số thuê bao 0935.033.803 0906498649, 02 hợp đồng công chứng, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Ngoan được làm giả; con dấu tròn khắc nội dung VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN BIÊN SỐ 1 và dấu tên Đào Thanh Tú được làm giả, sau khi gây án các bị cáo đã vứt mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai không thu giữ được.

*Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Tố N, ông Vũ Quang H1 và ông Phạm Công T đã bị các bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ được tổng số tiền 3.856.000.000 đồng (Ba tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu đồng) do các bị cáo cùng gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen 256GB, số IMEI: 353924107048179 do bị cáo Hoàng Thị Tr sử dụng tiền phạm tội mua. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 3.856.000.000 đồng (ba tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu đồng) cho đại diện bị hại là bà Nguyễn Thị Tố N. Bà Nguyễn Thị Tố N tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Đối với bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr được chia số tiền do phạm tội mà có là 150.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) khi khám xét chỗ ở của Kiều Tr; thu giữ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) từ bà Vũ Thị Y (mẹ ruột của bị cáo Kiều Tr); thu giữ trong tài khoản của Kiều Tr số tiền 48.217.986 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm mười bảy ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng); bà Vũ Thị Y tự nguyện giao nộp số tiền 96.232.014 đồng (Chín mươi sáu triệu hai trăm ba mươi hai ngàn không trăm mười bốn đồng) khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo Kiều Tr đã khắc phục xong tiền chiếm đoạt 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N được chia số tiền do phạm tội mà có là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.129.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi chín triệu đồng) khi khám xét chỗ ở của N; anh Nguyễn Lê Lâm (sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Ngọc N) tự nguyện giao nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) khắc phục hậu quả; bà Đinh Thị Ngọc Dung (là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Ngọc N) tự nguyện giao nộp số tiền 871.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo N đã khắc phục xong số tiền chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

- Đối với bị cáo Hoàng Thị Tr được chia số tiền do phạm tội mà có là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) khi bắt giữ bị cáo Tr; thu giữ của bà Bùi Thị Nguyệt (là mẹ ruột của bị cáo Tr) số tiền 1.440.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo Tr có được sau khi gây án gửi cho bà Nguyệt giữ); thu giữ của anh Hoàng L2 (chồng của bị cáo Tr) số tiền 50.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo Tr có được sau khi gây án đưa cho anh Linh); thu giữ của chị Đặng Hồ Như Th2 số tiền 10.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo Tr do phạm tội mà có đã cho chị Thủy khi Tr rút tiền tại Ngân hàng OCB – Chi nhánh Biên Hòa); thu giữ của anh Nguyễn Công T số tiền 70.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo Tr do phạm tội mà có đã trả nợ cho anh Tài); thu giữ của chị Huỳnh Thị Kim Tu số tiền 23.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo Tr do phạm tội mà có đã trả nợ cho chị Tuyền). Tổng cộng, Cơ quan điều tra đã thu giữ được tổng số tiền 1.606.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu đồng). Như vậy, số tiền còn lại bị cáo Tr phải bồi thường cho bị hại là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

I. Truy tố: Cáo trạng số: 5256/CT-VKS-P2 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

II. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ **14 (mười bốn) năm đến 16 (mười sáu) năm tù;**

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ **12 (mười hai) năm đến 14 (mười bốn) năm tù;**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ **12 (mười hai) năm đến 14 (mười bốn) năm tù;**

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” từ **03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù;**

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tr về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” từ **03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù;**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” từ **03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù;**

- Xử lý vật chứng, buộc bồi thường theo quy định pháp luật.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

III. Quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr tại phiên tòa:

Thông nhất theo đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Kiều Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Kiều Tr đã ra đầu thú, bồi thường khắc phục hậu quả. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại

phiên tòa bị cáo Kiều Tr đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chiếm đoạt số tiền ít, vai trò các bị cáo Nng nhau; Cha bị cáo là bộ đội; bị cáo chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có con còn nhỏ tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Kiều Tr.

IV. Quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Tr, Nguyễn Ngọc N tại phiên tòa:

Việc đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với các bị cáo Hoàng Thị Tr, Nguyễn Ngọc N là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo N do hoàn cảnh nợ nần nên nghe theo lời của bị cáo Kiều Tr thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo N trong vụ án là thứ yếu; đã bồi thường khắc phục hậu quả; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính; bị cáo Thị Tr có con còn nhỏ tuổi. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

V. Ý kiến của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo cho rằng tất cả lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép buộc, không bị ép cung hay bức cung. Kết luận điều tra cũng như Bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi của các bị cáo đã thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2] Về tội danh:

Do muốn có tiền tiêu xài, vào ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại nhà số 108/1, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr, Nguyễn Ngọc N đã có hành vi sử dụng giấy tờ, con dấu giả, mở văn phòng công chứng giả để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) của ông Phạm Công T, bà Nguyễn Thị Tô N và ông Vũ Quang H1;

Sau khi chiếm đoạt được tiền, Hoàng Thị Kiều Tr được chia 150.000.000 đồng, Hoàng Thị Tr được chia 1.750.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc N được chia

2.100.000.000 đồng, rồi bỏ số điện thoại đã liên lạc với ông Phạm Công Thành, bàn bạc với nhau bỏ trốn, không có phương án trả nợ theo thỏa thuận;

Các bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr, Nguyễn Ngọc N đã bồi thường được 3.856.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Thị Tr chưa bồi thường cho ông Phạm Công Thành, Nguyễn Thị Tổ N và Vũ Quang Huy số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng);

Hành vi của các bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về tích chất mức độ hành vi của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm và đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, tác động rất xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo Kiều Tr là người chủ mưu thực hiện việc lập Văn phòng công chứng, làm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, các nhân viên công chứng giả, mua vàng giả cho các bị cáo N, Thị Tr đeo để lừa người bị hại... và trực tiếp cùng các bị cáo khác bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội, nên mức hình phạt của bị cáo Kiều Tr phải cao hơn các bị cáo khác; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hoàng Thị Tr chưa bồi thường khắc phục hết số tiền chiếm đoạt nên mức hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo N. Do vậy, đối với các bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo Kiều Tr, N đã bồi thường thiệt trả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng và 2.100.000.000 đồng; bị cáo Thị Tr khắc phục một phần thiệt hại là 1.606.000.000 đồng còn thiếu lại bị hại số tiền 144.000.000 đồng; bị cáo Kiều Tr đã ra đầu thú, có Cha là bộ đội; gia đình bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn được Chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Lưu giữ theo hồ sơ 01 giấy CNQSDĐ số CD 648008; 01 biên nhận tiền giữa Nguyễn Thị Ngoan và Phạm Công Thành; 01 sổ hộ khẩu số 190665701 tên chủ hộ Nguyễn Văn Sáng (bản phô tô); 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/9/2021 giữa Nguyễn Thị Ngoan và Vũ Quang Huy, Nguyễn Thị Tổ N có xác thực Văn phòng công chứng Trần Biên số 1; 01 chứng minh nhân dân số 272234842 mang tên Nguyễn Thị Ngoan, sinh năm 1986, cấp ngày 17/2/2020 (bản phô tô);

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động **Samsung Galaxy A31**, số IMEI1 354565114476058, số IMEI2 35465114476056, trong điện thoại có sim số 0914578657; 01 điện thoại di động **Iphone 11 ProMax** màu đen 256GB, số IMEI 353924107048179, trong điện thoại có sim 0564602609; **01 điện thoại Iphone XS Max 64GB** màu Gold số Imei 357269092990191, sim 0933225107; 01 điện thoại di động **Nokia 110**, màu hồng đen, có IMEI1 35777103494708, số IMEI2 355777104494707, trong điện thoại có sim 0779545567; 01 điện thoại **Nokia 105 màu đen**, số Imei 353101115561424, sim 0937955971; do liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Tr: 01 điện thoại di động OPPO màu đen mặt trước phía trên bị vỡ mặt kính màn hình, mặt sau có chữ CCI7II bị bong tróc lớp sơn phía ngoài (không kiểm tra bên trong); do không liên quan đến việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Tr bồi thường 144.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Tố N, anh Phạm Công Thành và anh Vũ Quang Huy.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận.

[6] Lời bào chữa của các Luật sư cho các bị cáo tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét chấp nhận phần phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Thị Tr phải chịu 7.200.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tr **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2020.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N **10 (mười) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr **04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tr **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2020.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2020.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

3.1 Buộc bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **16 (mười sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

3.1 Buộc bị cáo Hoàng Thị Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **14 (mười bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2020.

3.1 Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2020.

4. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động **Samsung Galaxy A31**, số IMEI1 354565114476058, số IMEI2 35465114476056, trong điện thoại có sim số 0914578657; 01 điện thoại di động **Iphone 11 ProMax** màu đen 256GB, số IMEI 353924107048179, trong điện thoại có sim 0564602609; **01 điện thoại Iphone XS Max 64GB** màu Gold số Imei 357269092990191, sim 0933225107; 01 điện thoại di động **Nokia 110**, màu hồng đen, có IMEI1 35777103494708, số IMEI2 355777104494707, trong điện thoại có sim 0779545567; 01 điện thoại **Nokia 105 màu đen, số Imei** 353101115561424, sim 0937955971; theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Tr 01 điện thoại di động OPPO màu đen mặt trước phía trên bị vỡ mặt kính màn hình, mặt sau có chữ CCI7II bị bong tróc lớp sơn phía ngoài; theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

5. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Tr bồi thường 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Tổ N, ông Phạm Công Thành và ông Vũ Quang Huy.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Hoàng Thị Kiều Tr, Hoàng Thị Tr và Nguyễn Ngọc N mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Thị Tr phải nộp 7.200.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo bản án; các bị hại được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thế Phương **Dương Lê Bửu Thiện**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lưu Văn Dũng **Vũ Thị Ngọc Tươi** **Nguyễn Hữu Dần**

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

- Luru (4).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

Dương Lê Bửu Thiện

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Minh

Đinh Thị Kiều Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN